

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Số: **2512** /UBND-VX

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **28** tháng 7 năm 2021

Về việc triển khai một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 theo Nghị quyết số 68/NQ-CP của Chính phủ và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ

KHẨN

Kính gửi:

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố;
- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Sở Tài chính; Sở Văn hóa và Thể thao;
- Sở Y tế; Sở Du lịch; Sở Nội vụ;
- Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Tư pháp;
- Sở Công thương; Cục thuế Thành phố;
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Bộ Tư lệnh Thành phố;
- Liên đoàn Lao động Thành phố;
- Bảo hiểm xã hội Thành phố;
- Ngân hàng Chính sách xã hội Chi nhánh Thành phố;
- Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức;
- Ủy ban nhân dân các quận huyện.

Thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 68/NQ-CP);

Thực hiện Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 (sau đây gọi tắt là Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg);

Thực hiện Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 25 tháng 6 năm 2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố về một số chế độ, chính sách đặc thù phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19, hỗ trợ người dân bị tác động bởi dịch Covid-19 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND);

Xét đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Công văn số 23558/SLĐTBXH-LĐ ngày 13 tháng 7 năm 2021 về việc tham mưu triển khai một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 theo Nghị quyết số 68/NQ-CP của Chính phủ.

Ủy ban nhân dân Thành phố triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 theo Nghị quyết số 68/NQ-CP và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

I. MỤC TIÊU, NGUYÊN TẮC HỖ TRỢ

1. Mục tiêu:

Hỗ trợ cho người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, góp phần phục hồi và ổn định sản xuất, kinh doanh, giảm thiểu những tác động tiêu cực của đại dịch, đảm bảo đời sống và an toàn cho người lao động.

2. Nguyên tắc:

2.1. Bảo đảm hỗ trợ kịp thời, đúng đối tượng, công khai, minh bạch, không để lợi dụng, trục lợi chính sách.

2.2. Mỗi đối tượng chỉ được hưởng một lần trong một chính sách hỗ trợ. Người lao động được hỗ trợ một lần bằng tiền (trừ các đối tượng hưởng chính sách bổ sung quy định tại điểm 7, điểm 8 Mục II Nghị quyết số 68/NQ-CP) chỉ được hưởng 01 chế độ hỗ trợ. Không hỗ trợ đối tượng tự nguyện không tham gia.

2.3. Đối tượng đồng thời đủ điều kiện hưởng chính sách hỗ trợ quy định tại Nghị quyết số 68/NQ-CP và chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND) thì **chỉ được hưởng một chính sách hỗ trợ cao nhất**.

Đối tượng đã hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND, nếu đủ điều kiện hỗ trợ theo Nghị quyết số 68/NQ-CP thì được hỗ trợ bổ sung cho bằng mức quy định tại Nghị quyết số 68/NQ-CP.

II. GIẢM MỨC ĐÓNG BẢO HIỂM TAI NẠN LAO ĐỘNG, BỆNH NGHỀ NGHIỆP (theo quy định tại khoản 1 Mục II Nghị quyết số 68/NQ-CP và tại Chương I Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg)

1. Đối tượng hỗ trợ:

Người sử dụng lao động đóng vào Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho người lao động thuộc đối tượng áp dụng chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội và pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động (trừ cán bộ, công chức, viên chức, người thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, người lao động trong các cơ quan của Đảng, Nhà nước, cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập được hưởng lương từ ngân sách nhà nước).

Người sử dụng lao động hỗ trợ toàn bộ số tiền có được từ việc giảm đóng vào Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho người lao động phòng, chống Covid-19.

2. Mức đóng và thời gian áp dụng mức đóng vào Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp:

2.1. Mức đóng: bằng 0% quỹ tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội.

2.2. Thời gian áp dụng: 12 tháng, từ ngày 01 tháng 7 năm 2021 đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2022.

3. Đăng ký tham gia, lựa chọn phương thức đóng, sử dụng và quản lý Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp:

3.1. Việc đăng ký tham gia, lựa chọn phương thức đóng, sử dụng và quản lý Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp thực hiện theo quy định pháp luật về bảo hiểm xã hội và pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

3.2. Thời gian đóng bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo quy định tại khoản 2 Mục này được tính hưởng chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

III. HỖ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG TẠM DỪNG ĐÓNG VÀO QUỸ HƯU TRÍ VÀ TỬ TUẤT (theo quy định tại khoản 2 Mục II Nghị quyết số 68/NQ-CP, quy định tại Chương II Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg)

1. Đối tượng, điều kiện hỗ trợ:

Người lao động và người sử dụng lao động thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định tại Điều 2 Luật Bảo hiểm xã hội đáp ứng các điều kiện sau:

1.1. Người sử dụng lao động đã đóng đủ bảo hiểm xã hội hoặc đang tạm dừng đóng vào Quỹ hưu trí và tử tuất đến hết tháng 4 năm 2021 mà bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 dẫn đến phải giảm từ 15% số lao động tham gia bảo hiểm xã hội trở lên tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị so với tháng 4 năm 2021. Số lao động tham gia bảo hiểm xã hội tính giảm bao gồm:

- Số lao động chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc theo quy định của pháp luật trừ đi số lao động mới giao kết hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 5 năm 2021 đến ngày người sử dụng lao động có văn bản đề nghị.

- Số lao động đang tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động mà thời gian tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động từ 14 ngày làm việc trở lên trong tháng.

- Số lao động đang nghỉ việc không hưởng tiền lương mà thời gian nghỉ việc không hưởng tiền lương từ 14 ngày làm việc trở lên trong tháng.

- Số lao động đang ngừng việc mà thời gian ngừng việc từ 14 ngày làm việc trở lên trong tháng.

1.2. Số lao động tham gia bảo hiểm xã hội tính giảm tại điểm a khoản 1 Mục này chỉ bao gồm người làm việc theo hợp đồng làm việc, hợp đồng lao động không xác định thời hạn, hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 01 tháng trở lên, người quản lý doanh nghiệp, người quản lý điều hành hợp tác xã có hưởng tiền lương; không bao gồm người lao động nghỉ việc hưởng lương hưu từ ngày 01 tháng 5 năm 2021.

2. Thời gian tạm dừng đóng và đóng bù vào quỹ hưu trí và tử tuất:

2.1. Thời gian tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất:

- Người lao động và người sử dụng lao động đủ điều kiện theo quy định tại khoản 1 Mục này được tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất 6 tháng, tính từ tháng người sử dụng lao động nộp hồ sơ đề nghị.

- Đối với trường hợp đã được giải quyết tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất theo Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 và Nghị quyết số 154/NQ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ, nếu đủ điều kiện và được giải quyết tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất theo quy định tại Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg thì tổng thời gian tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất do bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 không quá 12 tháng.

2.2. Đóng bù vào quỹ hưu trí và tử tuất:

- Hết thời gian tạm dừng đóng quy định tại điểm a khoản 2 Mục này, người lao động và người sử dụng lao động tiếp tục đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất và đóng bù cho thời gian tạm dừng đóng (đối với cả người lao động ngừng việc hưởng tiền lương theo Điều 99 Bộ luật Lao động), số tiền đóng bù không phải tính lãi chậm đóng theo quy định tại khoản 3 Điều 122 Luật Bảo hiểm xã hội.

- Kể từ thời điểm kết thúc thời gian được tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất, nếu người sử dụng lao động không thực hiện việc đóng bù cho thời gian tạm dừng đóng thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 122 Luật Bảo hiểm xã hội.

- Trong thời gian tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất, người lao động đủ điều kiện hưởng chế độ hưu trí, chế độ tử tuất hoặc chấm dứt hợp đồng lao động thì người sử dụng lao động và người lao động thực hiện đóng bù cho thời gian tạm dừng đóng để giải quyết chế độ cho người lao động.

3. Trình tự, thủ tục thực hiện:

3.1. Trong thời gian từ ngày 07 tháng 7 năm 2021 đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2022, người sử dụng lao động nộp văn bản đề nghị theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg cho cơ quan Bảo hiểm xã hội nơi đang tham gia bảo hiểm xã hội, đồng thời gửi 01 bản cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để theo dõi, giám sát.

3.2. Trong 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị của người sử dụng lao động, cơ quan Bảo hiểm xã hội có trách nhiệm xem xét, giải quyết tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất; trường hợp không giải quyết thì trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3.3. Các trường hợp đề nghị tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 115/2015/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc thì trình tự, thủ tục thực hiện theo quy định tại

Thông tư số 59/2015/TT-BLĐTBXH ngày 29 tháng 12 năm 2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc.

IV. HỖ TRỢ NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG, NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ KỸ NĂNG ĐỂ DUY TRÌ VIỆC LÀM CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG (theo quy định tại khoản 3 Mục II Nghị quyết số 68/NQ-CP, quy định tại Chương III Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg)

1. Đối tượng, điều kiện hỗ trợ:

Người sử dụng lao động theo quy định tại khoản 3 Điều 43 Luật Việc làm nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ trong thời gian từ ngày 01 tháng 7 năm 2021 đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2022 được hỗ trợ khi có đủ các điều kiện sau:

1.1. Đóng đủ bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm thất nghiệp từ đủ 12 tháng trở lên tính đến thời điểm đề nghị hỗ trợ.

1.2. Phải thay đổi cơ cấu, công nghệ theo quy định tại khoản 1 Điều 42 Bộ luật Lao động.

1.3. Có doanh thu của quý liền kề trước thời điểm đề nghị hỗ trợ giảm từ 10% trở lên so với doanh thu cùng kỳ năm 2019 hoặc năm 2020.

1.4. Có phương án hoặc phối hợp với cơ sở giáo dục nghề nghiệp có phương án đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

2. Mức hỗ trợ, thời gian hỗ trợ và phương thức chi trả:

2.1. Mức hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề tối đa 1.500.000 đồng/người lao động/tháng. Mức hỗ trợ cụ thể được tính theo thời gian học thực tế của từng nghề hoặc từng khóa học. Trường hợp khóa đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề có những ngày lễ không đủ tháng thì được tính theo nguyên tắc: Dưới 15 ngày tính là 1/2 tháng, từ đủ 15 ngày trở lên tính là 01 tháng để xác định mức hỗ trợ.

Đối với khóa đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề có mức chi phí cao hơn mức hỗ trợ theo quy định tại khoản này thì phần vượt quá mức hỗ trợ do người sử dụng lao động tự chi trả.

2.2. Thời gian hỗ trợ: Tối đa 06 tháng.

2.3. Phương thức chi trả: Chi trả trực tiếp cho người sử dụng lao động theo phương án hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề được phê duyệt.

3. Hồ sơ đề nghị:

3.1. Văn bản đề nghị hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động và kê khai về doanh thu của quý liền kề trước thời điểm đề nghị hỗ trợ giảm từ 10% trở lên so với cùng kỳ

năm 2019 hoặc năm 2020 theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

3.2. Văn bản của người sử dụng lao động về việc thay đổi cơ cấu, công nghệ.

3.3. Phương án đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm theo quy định tại điểm d khoản 1 Mục này.

3.4. Xác nhận của cơ quan Bảo hiểm xã hội về việc người sử dụng lao động đóng đủ bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm thất nghiệp từ đủ 12 tháng trở lên tính đến thời điểm đề nghị hỗ trợ và đóng đủ bảo hiểm thất nghiệp đối với người tham gia đào tạo.

4. Trình tự, thủ tục thực hiện:

4.1. Người sử dụng lao động có nhu cầu hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động đề nghị cơ quan Bảo hiểm xã hội nơi đang tham gia bảo hiểm xã hội xác nhận về việc đóng đủ bảo hiểm thất nghiệp theo quy định tại điểm d khoản 3 Mục này. Cơ quan Bảo hiểm xã hội xác nhận trong 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của người sử dụng lao động.

4.2. Người sử dụng lao động nộp hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Mục này gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

4.3. Trong 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của người sử dụng lao động theo quy định, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội xem xét, quyết định việc hỗ trợ theo Mẫu số 04a tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg. Quyết định hỗ trợ gửi bản giấy và bản điện tử theo quy định đến: (1) Cơ quan Bảo hiểm xã hội Thành phố để thực hiện chuyển kinh phí hỗ trợ; (2) Người sử dụng lao động để thực hiện; (3) Cơ sở thực hiện việc đào tạo. Trường hợp không hỗ trợ thì Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4.3. Trong 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định hỗ trợ của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, cơ quan Bảo hiểm xã hội Thành phố chuyển một lần toàn bộ kinh phí hỗ trợ cho người sử dụng lao động.

4.4. Trong 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kinh phí hỗ trợ, người sử dụng lao động thực hiện việc chuyển kinh phí cho cơ sở thực hiện việc đào tạo theo phương án đã được phê duyệt.

4.5. Trong 45 ngày kể từ ngày kết thúc việc đào tạo, người sử dụng lao động phải hoàn thành việc thanh quyết toán kinh phí với cơ sở thực hiện việc đào tạo theo thực tế và báo cáo kết quả thực hiện về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội. Trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thực hiện của người sử dụng lao động, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành quyết định thu hồi kinh phí đào tạo còn dư (nếu có) gửi cơ quan Bảo hiểm xã hội Thành phố và người sử dụng lao động để thực hiện hoàn trả kinh phí về Quỹ bảo hiểm thất nghiệp theo Mẫu số 04b tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

V. HỖ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠM HOÃN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG, NGHỈ VIỆC KHÔNG HƯỞNG LƯƠNG
(theo quy định tại khoản 4 Mục II Nghị quyết số 68/NQ-CP và tại Chương IV Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg)

1. Đối tượng, điều kiện hỗ trợ:

Người lao động làm việc tại doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên hoặc chi đầu tư và chi thường xuyên, cơ sở giáo dục dân lập, tư thục ở cấp giáo dục mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, giáo dục nghề nghiệp (sau đây gọi là doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ sở giáo dục) phải tạm dừng hoạt động theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đề phòng, chống dịch Covid-19 được hỗ trợ khi đủ các điều kiện sau:

1.1. Tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương trong thời hạn của hợp đồng lao động, từ 15 ngày liên tục trở lên, tính từ ngày 01 tháng 5 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2021 và thời điểm bắt đầu tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương từ ngày 01 tháng 5 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021.

1.2. Đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc tại tháng liền kề trước thời điểm người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương.

2. Mức hỗ trợ và phương thức chi trả:

2.1. Mức hỗ trợ:

- Hỗ trợ 1.855.000 đồng/người đối với người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương từ 15 ngày liên tục trở lên đến dưới 01 tháng (30 ngày).

- Hỗ trợ 3.710.000 đồng/người đối với người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương từ 01 tháng (30 ngày) trở lên.

2.2. Người lao động đang mang thai được hỗ trợ thêm 1.000.000 đồng/người; người lao động đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em chưa đủ 06 tuổi thì được hỗ trợ thêm 1.000.000 đồng/trẻ em chưa đủ 06 tuổi và chỉ hỗ trợ cho 01 người là mẹ hoặc cha hoặc người chăm sóc thay thế trẻ em.

2.3. Phương thức chi trả: Trả 01 lần cho người lao động.

3. Hồ sơ đề nghị:

3.1. Bản sao văn bản thỏa thuận tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương.

3.2. Danh sách người lao động có xác nhận của cơ quan Bảo hiểm xã hội theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

3.3. Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu một trong các giấy tờ sau: Giấy tờ chứng minh người lao động đang mang thai; Giấy khai sinh hoặc Giấy chứng sinh của trẻ em; Giấy chứng nhận nuôi con nuôi;

Quyết định giao, nhận chăm sóc thay thế trẻ em của cơ quan có thẩm quyền đối với đối tượng được quy định tại điểm b khoản 2 Mục này.

4. Trình tự, thủ tục thực hiện:

4.1. Doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ sở giáo dục đề nghị cơ quan Bảo hiểm xã hội nơi quản lý thu bảo hiểm xã hội xác nhận người lao động đang tham gia bảo hiểm xã hội. Trong 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị, cơ quan Bảo hiểm xã hội xác nhận việc tham gia bảo hiểm xã hội của người lao động.

4.2. Doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ sở giáo dục gửi hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Mục này đến Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, quận huyện nơi đặt trụ sở chính. Thời hạn tiếp nhận hồ sơ chậm nhất đến hết ngày 31 tháng 01 năm 2022.

4.3. Trong 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, quận huyện hoàn tất thẩm định.

4.4. Ủy ban nhân dân Thành phố ủy quyền cho Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, quận huyện căn cứ kết quả thẩm định, quyết định phê duyệt Danh sách và kinh phí hỗ trợ, thực hiện chi trả theo quy định. Trường hợp không phê duyệt, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, quận huyện thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do (trong 02 làm việc việc).

VI. HỖ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG NGỪNG VIỆC (theo quy định tại khoản 5 Mục II Nghị quyết số 68/NQ-CP, quy định tại Chương V Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg)

1. Đối tượng, điều kiện hỗ trợ:

Người lao động được hỗ trợ khi có đủ các điều kiện sau:

1.1. Làm việc theo chế độ hợp đồng lao động bị ngừng việc theo khoản 3 Điều 99 Bộ luật Lao động và thuộc đối tượng phải cách ly y tế hoặc trong các khu vực bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền từ 14 ngày trở lên trong thời gian từ ngày 01 tháng 5 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2021.

1.2. Đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc tại tháng trước liền kề tháng người lao động ngừng việc theo khoản 3 Điều 99 Bộ luật Lao động.

2. Mức hỗ trợ và phương thức chi trả:

2.1. Mức hỗ trợ: 1.000.000 đồng/người.

2.2. Người lao động đang mang thai được hỗ trợ thêm 1.000.000 đồng/người; người lao động đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em chưa đủ 06 tuổi được hỗ trợ thêm 1.000.000 đồng/trẻ em chưa đủ 06 tuổi và chỉ hỗ trợ cho 01 người là mẹ hoặc cha hoặc người chăm sóc thay thế trẻ em.

2.3. Phương thức chi trả: Trả 01 lần cho người lao động.

3. Hồ sơ đề nghị:

3.1. Bản sao văn bản yêu cầu cách ly của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phòng, chống dịch COVID-19 trong thời gian từ ngày 01 tháng 5 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2021.

3.2. Danh sách người lao động có xác nhận của cơ quan Bảo hiểm xã hội theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

3.3. Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu một trong các giấy tờ sau: Giấy tờ chứng minh người lao động đang mang thai; Giấy khai sinh hoặc Giấy chứng sinh của trẻ em; Giấy chứng nhận nuôi con nuôi; Quyết định giao, nhận chăm sóc thay thế trẻ em của cơ quan có thẩm quyền đối với đối tượng được quy định tại điểm b khoản 2 Mục này.

4. Trình tự, thủ tục thực hiện:

4.1. Người sử dụng lao động đề nghị cơ quan Bảo hiểm xã hội nơi quản lý thu bảo hiểm xã hội xác nhận người lao động đang tham gia bảo hiểm xã hội. Trong 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị, cơ quan Bảo hiểm xã hội xác nhận việc tham gia bảo hiểm xã hội của người lao động.

4.2. Người sử dụng lao động gửi hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Mục này đến Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, quận huyện nơi đặt trụ sở chính. Thời hạn tiếp nhận hồ sơ chậm nhất đến hết ngày 31 tháng 01 năm 2022.

4.3. Trong 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, quận huyện hoàn tất thẩm định.

4.4. Ủy ban nhân dân Thành phố ủy quyền cho Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, quận huyện căn cứ kết quả thẩm định, quyết định phê duyệt Danh sách và kinh phí hỗ trợ, thực hiện chi trả theo quy định. Trường hợp không phê duyệt, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, quận huyện thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do (trong 02 ngày làm việc).

4.5. Trong 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kinh phí hỗ trợ của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, quận huyện, người sử dụng lao động thực hiện chi trả cho người lao động.

VII. HỖ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG NHƯNG KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN HƯỞNG TRỢ CẤP THẤT NGHIỆP (theo quy định tại khoản 6 Mục II Nghị quyết số 68/NQ-CP, quy định tại Chương VI Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg)

1. Đối tượng, điều kiện hỗ trợ:

Người lao động làm việc tại doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên hoặc chi đầu tư và chi thường xuyên, cơ sở giáo dục dân lập, tư thục ở cấp giáo dục mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, giáo dục nghề nghiệp (sau đây gọi là doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ sở giáo dục) phải dừng hoạt động theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phòng,

chống dịch COVID-19 trong thời gian từ ngày 01 tháng 5 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2021 được hỗ trợ khi có đủ các điều kiện sau:

1.1. Đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc tại tháng liền kề trước thời điểm người lao động chấm dứt hợp đồng lao động.

1.2. Chấm dứt hợp đồng lao động trong thời gian từ ngày 01 tháng 5 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2021 nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp, trừ các trường hợp sau đây:

- Người lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật;
- Hưởng lương hưu, trợ cấp mất sức lao động hàng tháng.

2. Mức hỗ trợ và phương thức chi trả:

2.1. Mức hỗ trợ: 3.710.000 đồng/người.

2.2. Người lao động đang mang thai được hỗ trợ thêm 1.000.000 đồng/người; người lao động đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em chưa đủ 06 tuổi được hỗ trợ thêm 1.000.000 đồng/trẻ em chưa đủ 06 tuổi và chỉ hỗ trợ cho 01 người là mẹ hoặc cha hoặc người chăm sóc thay thế trẻ em.

2.3. Phương thức chi trả: Trả 01 lần cho người lao động.

3. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ:

3.1. Đề nghị hỗ trợ theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

3.2. Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu của một trong các giấy tờ sau:

- Hợp đồng lao động đã hết hạn hoặc đã hoàn thành công việc theo hợp đồng lao động.
- Quyết định thôi việc.
- Thông báo hoặc thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động.

3.3. Bản sao Sổ bảo hiểm xã hội hoặc xác nhận của cơ quan Bảo hiểm xã hội về việc tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc và bảo hiểm thất nghiệp.

3.4. Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu một trong các giấy tờ sau: Giấy tờ chứng minh người lao động đang mang thai; Giấy khai sinh hoặc Giấy chứng sinh của trẻ em; Giấy chứng nhận nuôi con nuôi; Quyết định giao, nhận chăm sóc thay thế trẻ em của cơ quan có thẩm quyền đối với đối tượng được quy định tại điểm b khoản 2 Mục này.

4. Trình tự, thủ tục thực hiện:

4.1. Người lao động có nhu cầu hỗ trợ gửi hồ sơ đến Trung tâm Dịch vụ việc làm Thành phố thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (hoặc một trong sáu Chi nhánh Bảo hiểm thất nghiệp thuộc Trung tâm có trụ sở tại thành phố Thủ Đức, Quận 4, Quận 6, Quận 12, huyện Củ Chi. Thời hạn tiếp nhận hồ sơ chậm nhất đến hết ngày 31 tháng 01 năm 2022.

4.2. Trước ngày 05 và ngày 20 hàng tháng, Trung tâm Dịch vụ việc làm Thành phố rà soát, tổng hợp Danh sách người lao động đủ điều kiện hỗ trợ trình Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

4.3. Trong 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận Danh sách, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hoàn tất thẩm định.

4.4. Ủy ban nhân dân Thành phố ủy quyền cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội căn cứ kết quả thẩm định, quyết định phê duyệt Danh sách và kinh phí hỗ trợ, thực hiện chi trả theo quy định. Trường hợp không phê duyệt, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do (trong 02 ngày làm việc).

Người lao động bị chấm dứt hợp đồng lao động nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp đã có chính sách hỗ trợ theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 25 tháng 06 năm 2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố về một số chế độ, chính sách đặc thù phục vụ công tác phòng, chống dịch COVID - 19, hỗ trợ người dân bị tác động bởi dịch COVID - 19 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, để tránh việc chi trùng chính sách hỗ trợ theo quy định của Trung ương (Nghị quyết số 68/NQ-CP và Quyết định 23/2021/QĐ-TTg) và của Thành phố (Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND) cho cùng một đối tượng, giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (Trung tâm Dịch vụ việc làm Thành phố) đề nghị Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố Thủ Đức, quận huyện gửi danh sách đã chi hỗ trợ người lao động trước ngày ban hành văn bản này để rà soát, đối chiếu liên thông. Kể từ ngày ký ban hành văn bản này, các trường hợp được hỗ trợ theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND và tại khoản 6 Mục II Nghị quyết số 68/NQ-CP thực hiện theo trình tự, thủ tục nêu trên nhằm đảm bảo đồng bộ, không chi trùng đối tượng.

VIII. HỖ TRỢ ĐỐI VỚI TRẺ EM VÀ NGƯỜI ĐANG ĐIỀU TRỊ COVID-19, CÁCH LY Y TẾ (theo quy định tại khoản 7 Mục II Nghị quyết số 68/NQ-CP, quy định tại Chương VII Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg)

1. Đối tượng hỗ trợ:

- Trẻ em (người dưới 16 tuổi theo quy định của Luật Trẻ em) và người điều trị do nhiễm COVID-19 (F0) hoặc cách ly y tế để phòng, chống COVID-19 (F1) theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

2. Mức hỗ trợ, thời gian hỗ trợ:

2.1. Hỗ trợ tiền ăn mức 80.000 đồng/người/ngày đối với các trường hợp người điều trị nhiễm COVID-19 (F0), từ ngày 27 tháng 4 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, thời gian hỗ trợ theo thời gian điều trị thực tế nhưng tối đa 45 ngày.

2.2. Hỗ trợ tiền ăn mức 80.000 đồng/người/ngày đối với các trường hợp người thực hiện cách ly y tế (F1) theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền, từ ngày 27 tháng 4 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, thời gian hỗ trợ tối đa 21 ngày.

2.3. Đối với trẻ em trong thời gian điều trị do nhiễm COVID-19 hoặc cách ly y tế:

- Được hỗ trợ thêm một lần mức 1.000.000 đồng/trẻ em.

- Ngân sách nhà nước đảm bảo chi phí đối với các chi phí ngoài phạm vi chi trả của bảo hiểm y tế và chi phí khám, chữa bệnh đối với trẻ em không có thẻ bảo hiểm y tế.

3. Hồ sơ đề nghị:

3.1. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ đối với các trường hợp F0 đang điều trị tại cơ sở y tế gồm:

- Danh sách F0 đủ điều kiện hưởng chính sách theo Mẫu số 8a tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

- Giấy ra viện điều trị do nhiễm COVID-19 của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của pháp luật.

- Bản sao một trong các giấy tờ sau: giấy chứng sinh, giấy khai sinh, hộ chiếu, chứng minh nhân dân, thẻ căn cước công dân, thẻ bảo hiểm y tế.

3.2. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ đối với các trường hợp F1 đang thực hiện cách ly y tế tại cơ sở cách ly gồm:

- Danh sách F1 đủ điều kiện hưởng chính sách theo Mẫu số 8a tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

- Quyết định của cơ quan có thẩm quyền về việc cách ly y tế.

- Bản sao một trong các giấy tờ sau: giấy chứng sinh, giấy khai sinh, hộ chiếu, chứng minh nhân dân, thẻ căn cước công dân, thẻ bảo hiểm y tế.

3.3. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ đối với F0 đã kết thúc điều trị tại cơ sở y tế trước ngày Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg có hiệu lực thi hành gồm:

- Giấy ra viện.

- Biên nhận thu tiền ăn tại cơ sở y tế đã điều trị.

- Bản sao một trong các giấy tờ sau: giấy chứng sinh, giấy khai sinh, hộ chiếu, chứng minh nhân dân, thẻ căn cước công dân, thẻ bảo hiểm y tế.

3.4. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ đối với F1 đã kết thúc cách ly tại cơ sở cách ly trước ngày Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg có hiệu lực thi hành hoặc cách ly tại nhà gồm:

- Quyết định của cơ quan có thẩm quyền về cách ly y tế tại cơ sở cách ly hoặc cách ly tại nhà.

- Giấy hoàn thành việc cách ly.

- Bản sao một trong các giấy tờ sau: giấy chứng sinh, giấy khai sinh, hộ chiếu, chứng minh nhân dân, thẻ căn cước công dân, thẻ bảo hiểm y tế.

- Biên nhận thu tiền ăn tại cơ sở cách ly đối với người đã kết thúc cách ly tại cơ sở cách ly.

4. Trình tự, thủ tục:

4.1. Đối với trường hợp đang điều trị, cách ly tại cơ sở y tế, cơ sở cách ly: Cơ sở y tế, cơ sở cách ly căn cứ vào hồ sơ quy định tại điểm a, điểm b khoản 3 Mục này lập danh sách theo Mẫu số 08a, 08b tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg đối với các trường hợp F0, F1 đủ điều kiện hưởng chính sách **gửi cơ quan quản lý là Ủy ban nhân dân Thành phố (thông qua Sở Y tế, Bộ Tư lệnh Thành phố) hoặc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, quận huyện.** Thời gian tiếp nhận hồ sơ chậm nhất đến hết ngày 31 tháng 3 năm 2022.

4.2. Đối với trường hợp F0, F1 đã kết thúc điều trị, hoàn thành cách ly tại cơ sở hoặc cách ly tại nhà: Cha, mẹ hoặc người giám hộ hợp pháp của trẻ em, các trường hợp F0, F1 gửi hồ sơ quy định tại điểm c, điểm d khoản 3 Mục này đề nghị hỗ trợ tới Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cư trú. Thời hạn tiếp nhận hồ sơ chậm nhất đến hết ngày 31 tháng 01 năm 2022.

Trước ngày 05 và ngày 20 hàng tháng, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn tổng hợp, lập danh sách theo Mẫu số 08a, 08b tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg đối với các trường hợp F0, F1 đủ điều kiện hưởng chính sách, gửi Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, quận huyện.

Trong 02 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, quận huyện tổng hợp Danh sách hỗ trợ.

4.3. Ủy ban nhân dân Thành phố ủy quyền cho Sở Y tế, Bộ Tư lệnh Thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, quận huyện căn cứ kết quả thẩm định, quyết định phê duyệt Danh sách và kinh phí hỗ trợ.

Sở Y tế, Bộ Tư lệnh Thành phố căn cứ danh sách đã phê duyệt, thực hiện chi trả theo quy định.

Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, quận huyện chuyển kinh phí cho Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn để thực hiện chi trả hỗ trợ.

Trường hợp không phê duyệt, Sở Y tế, Bộ Tư lệnh Thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, quận huyện trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do (trong 02 ngày làm việc).

5. Cơ sở y tế, cơ sở cách ly, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn có trách nhiệm chi trả đầy đủ các chế độ hỗ trợ đối với F0, F1, trẻ em đang điều trị, cách ly theo danh sách được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt theo Mẫu 8c tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

IX. HỖ TRỢ VIÊN CHỨC HOẠT ĐỘNG NGHỆ THUẬT (theo quy định tại khoản 9 Mục II Nghị quyết số 68/NQ-CP, quy định tại Mục 1 Chương VIII Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg)

1. Đối tượng, điều kiện hỗ trợ:

Viên chức hoạt động nghệ thuật được hỗ trợ khi có đủ các điều kiện sau:

- Là đạo diễn nghệ thuật, diễn viên, họa sĩ giữ chức danh nghề nghiệp hạng IV.

- Làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật (không bao gồm các đơn vị nghệ thuật lực lượng vũ trang) phải tạm dừng hoạt động từ 15 ngày trở lên trong thời gian từ ngày 01 tháng 5 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2021 theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phòng, chống dịch COVID-19.

2. Mức hỗ trợ và phương thức chi trả:

- Mức hỗ trợ: 3.710.000 đồng/người.

- Phương thức chi trả: Trả 01 lần cho người lao động.

3. Hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện:

3.1. Đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật (bao gồm cả đơn vị trực thuộc cơ quan Trung ương) lập Danh sách viên chức hoạt động nghệ thuật bảo đảm điều kiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Mục này theo Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg gửi Sở Văn hóa và Thể thao nơi đặt trụ sở chính. Thời hạn tiếp nhận hồ sơ chậm nhất đến hết ngày 31 tháng 01 năm 2022.

3.2. Trong 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Danh sách theo đề nghị của đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật, Sở Văn hóa và Thể thao tổng hợp Danh sách và hoàn tất thẩm định.

3.3. Ủy ban nhân dân Thành phố ủy quyền cho Sở Văn hóa và Thể thao căn cứ kết quả thẩm định, quyết định phê duyệt Danh sách và kinh phí hỗ trợ, thực hiện chi trả theo quy định. Trường hợp không phê duyệt, Sở Văn hóa và Thể thao thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do (trong 02 ngày làm việc).

X. HỖ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG LÀ HƯỚNG DẪN VIÊN DU LỊCH
(theo quy định tại khoản 9 Mục II Nghị quyết số 68/NQ-CP, quy định tại Mục 2 Chương VIII Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg)

1. Đối tượng, điều kiện hỗ trợ:

Hướng dẫn viên du lịch được hỗ trợ khi có đủ các điều kiện sau:

1.1. Có thể hướng dẫn viên du lịch theo quy định của Luật Du lịch.

1.2. Có hợp đồng lao động với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành hoặc doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hướng dẫn du lịch hoặc là hội viên của tổ chức xã hội - nghề nghiệp về hướng dẫn du lịch đối với hướng dẫn viên du lịch quốc tế và hướng dẫn viên du lịch nội địa; có phân công của tổ chức, cá nhân quản lý khu du lịch, điểm du lịch đối với hướng dẫn viên du lịch tại điểm.

2. Mức hỗ trợ và phương thức chi trả:

2.1. Mức hỗ trợ: 3.710.000 đồng/người.

2.2. Phương thức chi trả: Trả 01 lần cho người lao động.

3. Hồ sơ đề nghị:

3.1. Đề nghị hỗ trợ theo Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg;

3.2. Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu của một trong các giấy tờ sau đây:

- Bản sao hợp đồng lao động với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành hoặc doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hướng dẫn du lịch có hiệu lực trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến thời điểm nộp hồ sơ;

- Thẻ hội viên của tổ chức xã hội - nghề nghiệp về hướng dẫn du lịch.

4. Trình tự, thủ tục thực hiện:

4.1. Hướng dẫn viên du lịch có nhu cầu hỗ trợ gửi hồ sơ đề nghị đến Sở Du lịch nơi cấp thẻ cho hướng dẫn viên du lịch. Thời hạn tiếp nhận hồ sơ chậm nhất đến hết ngày 31 tháng 01 năm 2022.

4.2. Trong 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hỗ trợ, Sở Du lịch tổng hợp Danh sách và hoàn tất thẩm định.

4.3. Ủy ban nhân dân Thành phố ủy quyền cho Sở Du lịch căn cứ kết quả thẩm định, quyết định phê duyệt Danh sách và kinh phí hỗ trợ, thực hiện chi trả theo quy định. Trường hợp không phê duyệt, Sở Du lịch thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do (trong 02 ngày làm việc).

XI. HỖ TRỢ HỘ KINH DOANH (theo quy định tại khoản 10 Mục II Nghị quyết số 68/NQ-CP, quy định tại Chương IX Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg)

1. Đối tượng, điều kiện hỗ trợ:

Hộ kinh doanh được hỗ trợ khi có đủ các điều kiện sau:

1.1. Có đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế.

1.2. Phải dừng hoạt động từ 15 ngày liên tục trở lên trong thời gian từ ngày 01 tháng 5 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phòng, chống dịch COVID-19.

2. Mức hỗ trợ và phương thức chi trả:

2.1. Mức hỗ trợ: 3.000.000 đồng/hộ kinh doanh.

2.2. Phương thức chi trả: Trả 01 lần cho hộ kinh doanh.

3. Hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện:

3.1. Hộ kinh doanh gửi đề nghị hỗ trợ theo Mẫu số 11 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg đến Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi có địa điểm kinh doanh. Thời hạn tiếp nhận hồ sơ chậm nhất đến hết ngày 31 tháng 01 năm 2022.

3.2. Trong 03 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn xác nhận về việc tạm ngừng kinh doanh của hộ kinh doanh; niêm yết công khai; tổng hợp, báo cáo gửi Chi cục Thuế.

3.3. Trong 02 ngày làm việc, Chi cục Thuế chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định, gửi Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, quận huyện tổng hợp.

3.4. Trong 02 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, quận huyện tổng hợp danh sách hộ kinh doanh được hỗ trợ.

3.5. Ủy ban nhân dân Thành phố ủy quyền cho Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, quận huyện căn cứ kết quả tổng hợp để ban hành quyết định phê duyệt Danh sách và kinh phí hỗ trợ, thực hiện chi trả theo quy định. Trường hợp không hỗ trợ, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, quận huyện thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do (trong 02 ngày làm việc).

XII. HỖ TRỢ NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG VAY VỐN ĐỂ TRẢ LƯƠNG NGỪNG VIỆC, TRẢ LƯƠNG PHỤC HỒI SẢN XUẤT (theo quy định tại khoản 11 Mục II Nghị quyết số 68/NQ-CP, quy định tại Chương X Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg)

1. Điều kiện vay vốn:

1.1. Người sử dụng lao động được vay vốn trả lương ngừng việc khi có đủ các điều kiện sau:

- Có người lao động làm việc theo hợp đồng đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc đến tháng liền kề trước thời điểm người lao động ngừng việc, phải ngừng việc từ 15 ngày liên tục trở lên theo quy định tại khoản 3 Điều 99 Bộ luật Lao động trong thời gian từ ngày 01 tháng 5 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 3 năm 2022.

- Không có nợ xấu tại tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại thời điểm đề nghị vay vốn.

1.2. Người sử dụng lao động được vay vốn trả lương cho người lao động khi phục hồi sản xuất, kinh doanh khi có đủ các điều kiện sau:

a) Đối với người sử dụng lao động phải tạm dừng hoạt động do yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phòng, chống dịch COVID-19 trong thời gian từ ngày 01 tháng 5 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 3 năm 2022:

- Người sử dụng lao động phải tạm dừng hoạt động do yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phòng, chống dịch Covid-19 trong thời gian từ ngày 01 tháng 5 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 3 năm 2022.

- Có người lao động làm việc theo hợp đồng đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc đến thời điểm đề nghị vay vốn.

- Có phương án hoặc kế hoạch phục hồi sản xuất, kinh doanh.

- Không có nợ xấu tại các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại thời điểm đề nghị vay vốn.

b) Đối với người sử dụng lao động hoạt động trong lĩnh vực vận tải, hàng không, du lịch, dịch vụ lưu trú và đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng để phục hồi sản xuất, kinh doanh:

- Có người lao động làm việc theo hợp đồng đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc đến thời điểm đề nghị vay vốn.

- Có phương án hoặc kế hoạch phục hồi sản xuất, kinh doanh.

- Không có nợ xấu tại tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài, đã hoàn thành quyết toán thuế năm 2020 tại thời điểm đề nghị vay vốn.

2. Mức cho vay, thời hạn cho vay, thời hạn giải ngân:

2.1. Vay vốn trả lương ngừng việc: Mức cho vay tối đa bằng mức lương tối thiểu vùng đối với số người lao động theo thời gian trả lương ngừng việc thực tế tối đa 03 tháng; thời hạn vay vốn dưới 12 tháng.

2.2. Vay vốn trả lương cho người lao động khi phục hồi sản xuất: Mức cho vay tối đa bằng mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động đang làm việc theo hợp đồng lao động. Thời gian hưởng chính sách hỗ trợ tối đa 03 tháng; thời hạn vay vốn dưới 12 tháng.

2.3. Việc giải ngân của Ngân hàng Chính sách xã hội Chi nhánh Thành phố cho người sử dụng lao động đối với các tháng 5, 6, 7 năm 2021 được thực hiện 01 lần; thời hạn giải ngân đến hết ngày 05 tháng 4 năm 2022 hoặc khi giải ngân hết nguồn vốn được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho vay tái cấp vốn tùy theo điều kiện nào đến trước.

3. Hồ sơ đề nghị vay vốn:

3.1. Giấy đề nghị vay vốn theo Mẫu số 12a, 12b, 12c tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

3.2. Danh sách người lao động đang tham gia bảo hiểm xã hội theo Mẫu số 13a, 13b, 13c tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

3.3. Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu một trong các giấy tờ sau: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã/hộ kinh doanh; Quyết định thành lập của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có); Giấy phép kinh doanh/Giấy phép hoạt động/Chứng chỉ hành nghề (đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện hoặc pháp luật có quy định); Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư (đối với doanh nghiệp được thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài).

3.4. Giấy ủy quyền (nếu có).

3.5. Bản sao văn bản về việc người sử dụng lao động phải tạm dừng hoạt động do yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phòng, chống dịch COVID-19 trong thời gian từ ngày 01 tháng 5 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 3 năm 2022 (đối với vay vốn trả lương phục hồi sản xuất, kinh doanh).

3.6. Phương án hoặc kế hoạch phục hồi sản xuất, kinh doanh đối với đối tượng quy định tại điểm b khoản 1 Mục này.

3.7. Bản sao thông báo quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020 của cơ quan thuế đối với người sử dụng lao động hoạt động trong lĩnh vực vận tải,

hàng không, du lịch, dịch vụ lưu trú và đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài để phục hồi hoạt động sản xuất, kinh doanh.

4. Trình tự, thủ tục thực hiện:

4.1. Người sử dụng lao động tự kê khai, lập danh sách, chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực đối với số lao động ngừng việc, số lao động làm việc theo hợp đồng đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc; phục hồi sản xuất kinh doanh, trả lương cho người lao động; có trách nhiệm hoàn trả vốn vay đầy đủ, đúng hạn cho Ngân hàng Chính sách xã hội và đáp ứng điều kiện vay vốn theo quy định tại khoản 1 Mục này.

4.2. Người sử dụng lao động đề nghị cơ quan Bảo hiểm xã hội nơi quản lý thu bảo hiểm xã hội xác nhận danh sách người lao động đang tham gia bảo hiểm xã hội. Trong 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được danh sách, cơ quan Bảo hiểm xã hội xác nhận việc tham gia bảo hiểm xã hội của người lao động, làm căn cứ để Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay.

4.3. Người sử dụng lao động gửi hồ sơ đề nghị vay vốn đến Ngân hàng Chính sách xã hội nơi có trụ sở hoặc chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh hoặc nơi cư trú đối với hộ kinh doanh, cá nhân. Thời hạn tiếp nhận hồ sơ đề nghị vay vốn chậm nhất đến hết ngày 25 tháng 3 năm 2022.

4.4. Trong 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị vay vốn của người sử dụng lao động, Ngân hàng Chính sách xã hội phê duyệt cho vay. Trường hợp không cho vay thì thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do đến người sử dụng lao động.

4.5. Trong 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận tái cấp vốn, Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện giải ngân đến người sử dụng lao động.

XIII. HỖ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG KHÔNG CÓ GIAO KẾT HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG (lao động tự do) gặp khó khăn do dịch COVID-19

Người lao động không có giao kết hợp đồng lao động (lao động tự do) gặp khó khăn do dịch Covid-19 trên địa bàn Thành phố được hỗ trợ theo Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 25 tháng 6 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thành phố và Công văn 2209/UBND-KT ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố về triển khai chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 theo Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND.

XIV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, quận huyện:

- Rà soát, xác định số lượng đối tượng thuộc diện được hỗ trợ và triển khai thực hiện các chính sách theo Nghị quyết số 68/NQ-CP và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg; lập dự toán kinh phí gửi các Sở, ngành quản lý để tổng hợp, đề nghị Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân Thành phố bố trí kinh phí thực hiện.

- Chủ trì, phối hợp với cơ quan Bảo hiểm xã hội, Chi cục Thuế rà soát, thẩm định và phê duyệt danh sách đối tượng được hỗ trợ, trực tiếp giải quyết những nội dung phát sinh; kịp thời báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố.

- Cân đối ngân sách địa phương để thực hiện hỗ trợ kịp thời cho người lao động, người sử dụng lao động bị tác động bởi dịch COVID-19 thuộc phạm vi quản lý đủ điều kiện được hưởng chính sách hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết số 68/NQ-CP và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg; trường hợp ngân sách địa phương không đủ thực hiện, có văn bản gửi Sở Tài chính chính để tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố kịp thời bổ sung dự toán kinh phí.

- Chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí được bố trí đúng quy định.

- Tổ chức giám sát chặt chẽ việc thực hiện chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 68/NQ-CP và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg theo hướng công khai, minh bạch, dân chủ, đúng đối tượng, đúng chính sách.

2. Sở Y tế:

- Chủ trì triển khai ngay đến các cơ sở y tế, cơ sở cách ly trong công tác phòng chống dịch COVID-19 về các nội dung chi và mức chi hỗ trợ trẻ em, người đang điều trị COVID-19, cách ly y tế theo Nghị quyết số 68/NQ-CP và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg; đảm bảo chi hỗ trợ kịp thời.

- Cân đối từ nguồn kinh phí phòng, chống dịch COVID-19 được giao năm 2021 của đơn vị để thực hiện hỗ trợ đối với trẻ em và người đang điều trị COVID-19, cách ly y tế tại các cơ sở do Sở Y tế quản lý. Trường hợp nguồn kinh phí không đủ thực hiện theo kế hoạch, Sở Y tế có văn bản gửi Sở Tài chính để tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố bổ sung dự toán kinh phí cho đơn vị thực hiện theo quy định.

3. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Tổng hợp số lượng người lao động tạm hoãn, nghỉ việc không lương, ngừng việc, mất việc làm theo báo cáo của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, quận huyện và người lao động chấm dứt hợp đồng lao động nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp (theo quy định tại Mục V và Mục VII Công văn này) gửi Sở Tài chính thẩm định trình Ủy ban nhân dân Thành phố bố trí kinh phí thực hiện.

- Đôn đốc sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, quận huyện khẩn trương triển khai thực hiện các nội dung được phân công để kịp thời hỗ trợ, chia sẻ với người dân gặp khó khăn do dịch COVID-19.

- Là cơ quan đầu mối có nhiệm vụ theo dõi giám sát, xử lý các vấn đề phát sinh và tổng hợp các khó khăn vướng mắc và báo cáo đề xuất trình Ủy ban nhân dân Thành phố; trước ngày 25 hàng tháng và trước ngày 31 tháng 12 năm 2021, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 68/NQ-CP và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg trên địa bàn Thành phố.

4. Sở Tài chính:

- Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố bố trí dự toán kinh phí để triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 68/NQ-CP và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg cho các đơn vị để triển khai thực hiện kịp thời

trên cơ sở số liệu và kinh phí hỗ trợ cho các đối tượng do các cơ quan, đơn vị có liên quan rà soát, thẩm định và tổng hợp.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố xử lý các vấn đề phát sinh có liên quan đến tài chính theo kiến nghị và đề xuất của cơ sở (thông qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp).

5. Cục Thuế Thành phố:

- Chỉ đạo các Chi cục Thuế cung cấp danh sách các hộ kinh doanh thuộc diện được hỗ trợ và chuyển Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, quận huyện để làm cơ sở chi hỗ trợ cho các hộ kinh doanh.

- Chi cục Thuế chủ trì, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan liên quan thẩm định hỗ trợ cho hộ kinh doanh theo Nghị quyết số 68/NQ-CP và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

6. Sở Giáo dục và Đào tạo:

- Chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Thủ Đức, quận huyện chịu trách nhiệm rà soát, hướng dẫn, kiểm tra và xác nhận danh sách người lao động làm việc tại đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập tự đảm bảo chi thường xuyên, cơ sở giáo dục dân lập, tư thục ở cấp giáo dục mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương để tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, quận huyện quyết định hỗ trợ đến từng đối tượng, nhanh chóng, kịp thời.

- Tổng hợp số lượng người lao động làm việc tại các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập tự đảm bảo chi thường xuyên, cơ sở giáo dục dân lập, tư thục ở cấp giáo dục mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19 gửi Sở Tài chính để trình Ủy ban nhân dân Thành phố bố trí kinh phí thực hiện.

7. Bảo hiểm xã hội Thành phố:

- Triển khai, thực hiện việc giảm mức đóng bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất đối với người lao động và người sử dụng lao động do ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 theo quy định tại Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg và hướng dẫn của Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

- Hướng dẫn, xác nhận danh sách người lao động tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định tại Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg và hướng dẫn của Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

8. Sở Văn hóa và Thể thao:

- Rà soát, thẩm định, phê duyệt đối tượng là viên chức hoạt động nghệ thuật được hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 68/NQ-CP và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

- Tổng hợp Danh sách người lao động (viên chức hoạt động nghệ thuật) bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19 gửi Sở Tài chính thẩm định trình Ủy ban nhân dân Thành phố bố trí kinh phí thực hiện.

- Cân đối từ nguồn kinh phí sự nghiệp văn hóa thông tin năm 2021 của Sở Văn hóa và Thể thao. Trường hợp nguồn kinh phí không đủ thực hiện theo kế hoạch, Sở Văn hóa và Thể thao có văn bản gửi Sở Tài chính để tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố bổ sung dự toán kinh phí cho đơn vị thực hiện theo quy định.

9. Sở Du lịch:

- Rà soát, thẩm định, phê duyệt đối tượng là hướng dẫn viên du lịch được hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 68/NQ-CP và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

- Tổng hợp Danh sách người lao động (hướng dẫn viên du lịch) bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19 gửi Sở Tài chính thẩm định trình Ủy ban nhân dân Thành phố bố trí kinh phí thực hiện.

- Cân đối từ nguồn kinh phí xúc tiến du lịch năm 2021 của đơn vị để thực hiện. Trường hợp nguồn kinh phí không đủ thực hiện theo kế hoạch, Sở Du lịch có văn bản gửi Sở Tài chính để tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố bổ sung dự toán kinh phí cho đơn vị thực hiện theo quy định.

10. Bộ Tư lệnh Thành phố:

- Cân đối từ nguồn kinh phí phòng, chống dịch COVID-19 được giao năm 2021 của đơn vị để thực hiện hỗ trợ đối với trẻ em và người đang điều trị COVID-19, cách ly y tế tại các cơ sở do Bộ Tư lệnh Thành phố quản lý. Trường hợp nguồn kinh phí không đủ thực hiện theo kế hoạch, Bộ Tư lệnh Thành phố có văn bản gửi Sở Tài chính để tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố bổ sung dự toán kinh phí cho đơn vị thực hiện theo quy định.

11. Sở Nội vụ, Sở Tư pháp:

- Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp tham mưu cho Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quyết định ủy quyền thực hiện quy trình thủ tục theo thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố quy định tại Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg cho các cơ quan chuyên môn và Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, quận huyện.

12. Sở Công thương:

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế Thành phố xác định loại hình hộ kinh doanh phải dừng hoạt động theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phòng, chống dịch COVID-19;

- Hướng dẫn Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện loại hình hộ kinh doanh phải dừng hoạt động theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phòng, chống dịch COVID-19 trước ngày ... tháng ... năm 2021 (trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày ban hành Công văn này).

13. Sở Thông tin và Truyền thông:

- Chủ trì, phối hợp với Ban tuyên giáo Thành ủy, các cơ quan thông tấn, báo chí tổ chức tuyên truyền rộng rãi các chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 68/NQ-CP và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg để người sử dụng lao động, người lao động và người dân gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 biết và thực hiện theo quy định.

14. Ngân hàng Chính sách xã hội Chi nhánh Thành phố:

Triển khai chính sách hỗ trợ người sử dụng lao động vay vốn để trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất theo Nghị quyết số 68/NQ-CP, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg và hướng dẫn của Ngân hàng Chính sách xã hội.

15. Liên đoàn Lao động Thành phố:

- Quán triệt, tuyên truyền rộng rãi chính sách hỗ trợ của Chính phủ để công đoàn viên, người lao động thực hiện theo quy định.

- Hướng dẫn, giám sát tổ chức công đoàn cơ sở phối hợp với người sử dụng lao động lập danh sách hỗ trợ người lao động theo đúng chính sách, đúng đối tượng quy định.

14. Đề nghị Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố:

- Chủ trì, chỉ đạo hệ thống Mặt trận Tổ quốc p, khu phố, tổ nhân dân, Thành phố và các tổ chức thành viên từ thành phố đến quận, huyện, xã, phường, ấp, tổ dân phố phối hợp phổ biến, tuyên truyền, giám sát chặt chẽ việc thực hiện chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 68/NQ-CP và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg trên tinh thần công khai, minh bạch, dân chủ, đúng đối tượng, đúng chính sách.

XV. XỬ LÝ VI PHẠM:

Cá nhân, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp lợi dụng chính sách quy định tại Nghị quyết số 68/NQ-CP, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg và Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND để trục lợi, vi phạm pháp luật thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà phải bồi thường, bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

XVI. THÔNG TIN, BÁO CÁO

- Giao các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện được phân công nhiệm vụ tại công văn này trước ngày 25 hàng tháng và trước ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 68/NQ-CP và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg, gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp báo cáo Thường trực Thành ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố và Thường trực Ủy ban nhân dân Thành phố.

Đề nghị Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan, các doanh nghiệp và người sử dụng lao động tập trung khẩn trương triển khai thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố tại công văn này,

nhằm mục tiêu đưa chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 trên địa bàn Thành phố theo Nghị quyết số 68/NQ-CP và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg đến từng người dân nhanh chóng, kịp thời, góp phần thực hiện tốt an sinh xã hội, tạo điều kiện hỗ trợ người lao động giảm bớt khó khăn do tác động của dịch bệnh Covid-19./.

Nơi nhận:

- Như trên;
 - Bộ LĐTBXH;
 - Thường trực Thành ủy;
 - Thường trực HĐND TP;
 - T1UB: CI, các PC1;
 - Ban VHXH HĐND TP;
 - Sở KHĐT;
 - VPUB: CVP, các PCVP;
 - Phòng VX, KT;
 - Lưu: VT, (VX/Th2). *21*
- } iy: } (đề b/c)
} TP; }



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phan Thị Thắng